

Bản án số: 367/2019/HC-PT
Ngày: 17-6-2019
V/v Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi
phạm hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Thành

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 61/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2019 về khiếu kiện “*Quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 874/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Võ Văn X, sinh năm 1946, cư trú tại số 79 ấp T, xã T1, huyện T2, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phan Đăng H, sinh năm 1975, cư trú: 175 đường T3, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2019) (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Ấp T4, thị trấn T2, huyện T2, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành X1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2019 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Tấn T5, cư trú tại số 66/20/32 đường N1, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Văn T6, cư trú tại số 79 Ấp T, xã T1, huyện T2, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn T6: Ông Phan Đăng H, sinh năm 1975, cư trú: 175 đường T3, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2019) (có mặt).

2. Bà Mai Thị T7.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thu V. (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện T2, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Châu Chí C1, Chi nhánh số 06, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn X là người khởi kiện, ông Võ Văn T6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2017; bản tự khai ngày 12/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn X trình bày:

Quyết định 1139/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2017 xử phạt vi phạm hành chính buộc ông phải trả lại phần đất đã chiếm lại của bà Mai Thị T7 với diện tích 6.380,1 m². Tuy nhiên ông cho rằng phần đất này hiện nay do con ông là Võ Văn T6 đang sử dụng và trực tiếp canh tác nên yêu cầu ông trả lại đất là không đúng. Phần đất có diện tích 6.380,1 m² là của con ông là Võ Văn T6 vì ngày 28/9/2004, ông T6 có nhận chuyển nhượng của bà Mai Thị T7 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 102/CN có công chứng tại Ủy ban nhân dân xã Trường Thành, huyện Cờ Đỏ (nay là huyện T2) với diện tích là 5.701 m² tại thửa 117 tờ bản đồ số 08 tại ấp T, xã T1, huyện T2, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V485099 số vào sổ 00383 do Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn (cũ) cấp ngày 01/8/2002 với giá chuyển nhượng là 07 lượng vàng. Do đó, ông cho rằng Quyết định 1139/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2017 là không đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 có văn bản nêu ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện của người bị kiện ông Nguyễn Thành X1 trình bày:

Ngày 12/7/2016, Tòa án nhân dân huyện T2 ban hành Bản án số 94/2016/DSST có nội dung buộc ông Võ Hoàng T8 và ông Võ Văn X có nghĩa vụ trả lại cho hộ bà Mai Thị T7 phần đất diện tích 6.380,1 m². Sau khi bản án có hiệu

lực ông Võ Văn X và ông Võ Hoàng T8 không tự nguyện chấp hành nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2 đã cưỡng chế giao đất cho bà Mai Thị T7 sử dụng.

Ngày 09/02/2017 Ủy ban nhân dân xã T1 lập Biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC đối với ông Võ Văn X về hành vi chiếm đất của bà Mai Thị T7 tại thửa số 117 diện tích 6.380,1 m².

Ngày 14/02/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 ban hành Quyết định số 1139/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Võ Văn X do có hành vi chiếm đất của bà Mai Thị T7 vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, số tiền phạt 4.000.000 đồng, biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm với diện tích 6.380,1 m² cho bà Mai Thị T7.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 cho rằng Quyết định 1139/QĐ-XPVPHC là đúng hành vi vi phạm, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 57, Điều 58, Điều 66, Điều 67 và Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Khoản 2 Điều 10, Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Vì vậy cần giữ nguyên Quyết định 1139/QĐ-XPVPHC để tiếp tục thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T6 trình bày:

Ngày 28/9/2004, ông có nhận chuyển nhượng của bà Mai Thị T7 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 102/CN có công chứng tại Ủy ban nhân dân xã Trường Thành, huyện Cờ Đỏ (nay là huyện T2) với diện tích là 5.701 m² tại thửa 117 tờ bản đồ số 08 tại ấp T, xã T1, huyện T2, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V485099 số vào sổ 00383 do Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn (cũ) cấp ngày 01/8/2002 với giá chuyển nhượng là 07 lượng vàng. Việc ông chưa tiến hành làm được giấy đất dù đã có hợp đồng chuyển nhượng hợp pháp là do ông Huỳnh Văn H1 hiện là địa chính xã Trường Thành làm mất giấy đất trong bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy của ông dẫn đến việc cấp giấy đất của ông đến nay vẫn chưa được thực hiện. Từ sau khi nhận chuyển nhượng phần đất này năm 2004 đến nay gia đình ông canh tác ổn định và bà T7 không hề có tranh chấp, khiếu nại. Hiện nay ông đang khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện T2 để yêu cầu bà T7 thực hiện việc chuyển giao lại phần đất và được Tòa án nhân dân huyện T2 đang thụ lý giải quyết theo Thông báo thụ lý vụ án số 01/TB-TLVA ngày 09/01/2017. Do đó, ông cho rằng Quyết định 1139/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2017 là không đúng quy định pháp luật và xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích của ông, đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định 1139/QĐ-XPVPHC.

Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị T7 là bà Võ Thị Thu V trình bày:

Bản án 94/2016/DSST ngày 12/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện T2 xét xử đã có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án đã tiến hành cưỡng chế bàn giao đất về cho gia đình bà nhưng người khởi kiện là ông Võ Văn X lại bao chiếm đất,

không cho gia đình bà canh tác từ năm 2016 đến nay. Do đó, bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính số 30/2018/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Võ Văn X về việc yêu cầu hủy Quyết định 1139/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính ngày 14/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/11/2018, ông Võ Văn X là người khởi kiện và ông Võ Văn T6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Đăng H đại diện cho ông Võ Văn X và ông Võ Văn T6 vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Ông Phan Đăng H đại diện cho ông Võ Văn X và ông Võ Văn T6 trình bày: Bản án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng vì Quyết định 1139 căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC do Ủy ban nhân dân xã T1 lập nhưng không đưa Ủy ban nhân dân xã T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét ông X có lấn chiếm đất hay không. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 căn cứ vào đơn kêu cứu của bà T7 cho rằng hộ ông X chiếm đất của bà T7. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người trong hộ của ông X tham gia tố tụng. Biên bản vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân xã T1 lập ông X có nêu khi bà T7 trả mặt bằng thì ông X trả lại đất nhưng ông X không biết chữ. Về nội dung: Quyết định 1139 yêu cầu ông X trả lại đất cho bà T7 nhưng không quy định cụ thể thửa đất, bản đồ, vị trí thế nào. Hiện tại, ông T6 đang khởi kiện bà T7 để xác định có hay không có việc chuyển nhượng đất của ông T6 với bà T7, bà T7 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất yêu cầu ông X giao trả không thể hiện bản đồ nào, ấp nào. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X, yêu cầu kháng cáo của ông X và ông T6, hủy Quyết định 1139.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ông Lê Tấn T5 trình bày: Việc đại diện của ông X và ông T6 cho rằng không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo thẩm quyền. Quyết định 1139 về thẩm quyền ban hành, trình tự thủ tục ban hành Quyết định thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, có đơn kêu cứu của bà T7, có biên bản xác minh. Về nội dung quyết định không nêu rõ thửa đất nhưng biên bản xử lý vi phạm có nêu rõ vị trí, có sơ đồ kèm theo, vấn đề này không ảnh hưởng đến việc ban hành Quyết định 1139 xử lý vi phạm hành chính. Bà T7 chưa được cấp giấy chứng nhận vì bà T7 chưa liên hệ với các cơ quan chức năng để yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản án 94/2016/DSST ngày 12/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện T2 xét xử đã có hiệu

lực pháp luật, cơ quan Thi hành án đã tiến hành cưỡng chế bàn giao đất về cho gia đình bà T7 nhưng ông Võ Văn X lại bao chiếm đất. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện, bác kháng cáo của ông X, ông T6, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ông Phan Đăng H đại diện cho ông Võ Văn X và ông Võ Văn T6 trình bày:
Quyết định 1139 không có kèm theo biên bản, quyết định độc lập.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của các đương sự:* Quyết định số 1139 được ban hành căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC do Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2 lập ngày 09/02/2017. Biên bản vụ việc tái lấn chiếm sử dụng đất ngày 17/11/2016 của Trưởng ấp T xác định ông Võ Văn X đã tái chiếm sử dụng và sạ lúa được 4 ngày; Ông X thừa nhận sạ lúa được 4 ngày, có giao đất rồi lấn chiếm lại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 ban hành Quyết định 1139/QĐ-XPVPHC là đúng quy định của pháp luật. Ông X đã tự nguyện nộp phạt, có biên lai nộp ngày 05/6/2017. Việc xác định ông X có hành vi lấn chiếm đất là có căn cứ. Hợp đồng chuyển nhượng của ông T6, bà T7 thì ông T6 cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản án số 94/2016/DSST ngày 12/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện T2 xét xử đã có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án đã tiến hành cưỡng chế bàn giao đất cho gia đình bà T7 nhưng ông X lại lấn chiếm đất. Bản án hành chính sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông X là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông X, ông T6, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:* Ông Võ Văn X yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 1139/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 (gọi tắt là Quyết định 1139) thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: Quyết định 1139 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm b, Điểm đ Khoản 2 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Điểm b, Điểm đ

Khoản 2 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.2] Về hình thức, trình tự và thủ tục ban hành:

Quyết định số 1139 được ban hành căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC do Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2 lập ngày 09/02/2017. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ của Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2 tiến hành lập Biên bản số 11/BB-VPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng theo Mẫu biên bản số 01 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Điều 58 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Quyết định số 1139 ban hành là đúng theo Mẫu quyết định số 02 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013. Trong đó, xác định ông Võ Văn X đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính chiếm sử dụng đất trồng lúa của bà Mai Thị T7 với diện tích 6.380,1 m² thuộc hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 căn cứ vào Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 để ban hành Quyết định 1139 là phù hợp. Hình thức xử phạt chính là phạt tiền với mức phạt 4.000.000đ (bốn triệu đồng) là đúng theo Khoản 2 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 và biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm với diện tích 6.380,1 m² cho bà Mai Thị T7 là đúng theo Điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014.

[2.3] Về nội dung quyết định:

Quyết định 1139 xác định đối tượng xử phạt là ông Võ Văn X. Ông Võ Văn X và ông Võ Văn T6 cho rằng ông T6 mới là người đang quản lý sử dụng phần đất diện tích 6.380,1 m² nên phạt ông X là không đúng.

Tuy nhiên, căn cứ theo đơn kêu cứu khẩn cấp ngày 15/11/2016 gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2 của bà Mai Thị T7 trình báo về việc ông Võ Văn X không chấp hành bản án, bao chiếm đất; Biên bản vụ việc tái lần chiếm sử dụng đất ngày 17/11/2016 của Trưởng ấp T xác định hộ ông Võ Văn X đã tái chiếm sử dụng và sạ lúa được 4 ngày; Ông X cũng thừa nhận đang sạ lúa được 04 ngày, ông X có giao đất rồi lần chiếm lại. Cơ quan thi hành án cưỡng chế giao đất cho bà T7 thì ông X không có ý kiến; Biên bản kiểm tra việc thực hiện Quyết định hành chính (Bút lục 43) và tại phiên tòa sơ thẩm, ông X trình bày ông chấp nhận nộp phạt nhưng trả lại đất cho bà Mai Thị T7 thì ông không trả vì đất này ông mua và phía bà T7 không trả lại tiền mua đất thì ông không trả đất; Đơn xin miễn giảm tiền phạt vi phạm hành chính với người yêu cầu là ông Võ Văn X; Giấy xác nhận hộ khẩu thường trú của hộ ông Võ Văn X có 08 nhân khẩu trong đó có ông Võ Văn T6.

Từ những căn cứ trên, Quyết định 1139 xác định đối tượng xử phạt là ông Võ Văn X là có cơ sở.

Xét nguồn gốc phần đất diện tích 6.380,1 m² theo Quyết định 1139 xác định ông Võ Văn X đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính chiếm sử dụng đất trồng

lúa của bà Mai Thị T7. Theo Bản án số 94/2016/DSST ngày 12/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện T2 đã có hiệu lực pháp luật trong đó quyết định buộc ông Võ Hoàng T8 và ông Võ Văn X có nghĩa vụ trả lại cho hộ bà Mai Thị T7 diện tích 6.380,1 m² (trong đó gồm 5.701 m² đất thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T2, thành phố Cần Thơ và tạm giao diện tích 679,1 m² đất liền kề). Như vậy, bà Mai Thị T7 là người được quyền sử dụng phần đất diện tích 6.380,1 m².

Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng có Thông báo số 141/TB-DS ngày 27/02/2019 trả lời cho ông Võ Văn X về việc không có căn cứ để kháng nghị Bản án số 94/2016/DSST ngày 12/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện T2 và thông báo trả lại đơn cho ông X.

Theo ông Võ Văn X và ông Võ Văn T6 thì phần đất có diện tích 6.380,1 m² là của ông Võ Văn T6 vì ngày 28/9/2004, ông T6 có nhận chuyển nhượng của bà Mai Thị T7 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 102/CN có công chứng tại Ủy ban nhân dân xã Trường Thành, huyện Cờ Đỏ (nay là huyện T2) với diện tích là 5.701 m² tại thửa 117 tờ bản đồ số 08 tại ấp T, xã T1, huyện T2, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V485099 số vào sổ 00383 do Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn (cũ) cấp ngày 01/8/2002 với giá chuyển nhượng là 07 lượng vàng. Tuy nhiên, hiện nay ông Võ Văn T6 vẫn chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 117, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 117 giữa ông T6 và bà T7 vẫn còn đang tranh chấp và được Tòa án nhân dân huyện T2 đang thụ lý giải quyết theo Thông báo thụ lý vụ án số 01/TB-TLVA ngày 09/01/2017. Do đó, trước khi vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Võ Văn T6 và bị đơn bà Mai Thị T7 có phán quyết bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật thì như nhận định ở phần trên, quyền sử dụng phần đất diện tích 6.380,1 m² vẫn thuộc về bà Mai Thị T7.

[2.4] Đại diện người khởi kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân xã T1 cũng như những người trong hộ ông X vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng và Quyết định 1139 không ghi rõ vị trí đất ông X giao trả bà Tư. Hội đồng xét xử xét thấy, ông X thừa nhận là người sử dụng đất và có hành vi tái chiếm sử dụng đất của bà T7 sau khi đã được thi hành án nên không cần thiết phải đưa Ủy ban nhân dân xã T1 cũng như những người trong hộ ông X vào tham gia tố tụng. Phần Quyết định 1139 có thiếu sót không ghi rõ vị trí phần đất nhưng căn cứ vào Biên bản vi phạm số hành chính số 11/BB-VPHC ngày 09/02/2017 và Bản án số 94/2016/DSST ngày 12/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện T2 xác định được vị trí đất ông X phải giao trả.

[2.5] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông X là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông X và ông T6 kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông X, ông T6, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Người khởi kiện là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Ông Võ Văn T6 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điểm b, Điểm đ Khoản 2 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Điều 10 và Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014;

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Võ Văn X và ông Võ Văn T6. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Võ Văn X về việc yêu cầu hủy Quyết định 1139/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính ngày 14/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2, thành phố Cần Thơ.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ Văn X được miễn án phí.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Võ Văn X được miễn án phí.

Ông Võ Văn T6 phải chịu án phí là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 001353 ngày 30/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM(1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM(1);
- TAND Tp. Cần Thơ(1);
- VKSND Tp. Cần Thơ(1);
- Cục THADS Tp. Cần Thơ(1);
- NKK(1);
- NBK(1);
- NLQ(3);
- Lưu HS (1), VP (2) (15b) THUY.

**TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương

